TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 02 - 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tống Duy Toán
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Hồng
2. Ông Nguyễn Mạnh Tùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vàng Sảo D, năm sinh 1989
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai
Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Tổ 21, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai
Nơi làm việc: Trường T tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Sùng Thị D, năm sinh 1986
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai
Nơi làm việc: Trường M xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vàng Sảo D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng Sảo D và chị Sùng Thị D tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 08/6/2012 hai anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S theo quy định của pháp luật. Khi kết hôn, thì anh D và chị D có vi phạm điều kiện là chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được gần bốn năm, đến đầu năm 2015, thì vợ chồng anh D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ chồng phải đi vay nợ để trang trải cuộc sống không có khả năng chi trả, nên vợ chồng

thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau, khi đó bản thân anh D không có công ăn việc làm, nên chị D hay coi thường và không coi anh D là chồng, hay ném quần áo của anh D ra ngoài đường, nhiều lúc anh D đi Lào Cai về thì không thấy đồ đạc cá nhân của anh D ở trong nhà, anh D hỏi thì chị D bảo là không biết. Đến cuối năm 2015, vợ chồng anh D đã sống ly thân, từ đó đến nay không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mức độ mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa anh D và chị D không còn, nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D để đảm bảo cuộc sống riêng của anh D.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh D và chị D chỉ có một người con chung là cháu Vàng Thảo N sinh ngày 26/6/2015. Cháu N còn nhỏ và đang ở với chị D. Nay anh D thay đổi là yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vàng Thảo N sinh ngày 26/6/2015 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị D đang ở ngôi nhà chung của vợ chồng anh D tại thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, chị D là giáo viên Trường M xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, thu nhập của chị D một tháng là 8.540.000 đồng. Còn anh D đang thuê nhà ở tại tổ 21, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, anh D là giáo viên hợp đồng, thu nhập của anh D là 3.500.000 đồng/một tháng. Từ ngày anh D và chị D sống ly thân, thì chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Cháu N sống với anh D sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt bình thường.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh con chung, Đơn xin xác nhận (để chứng minh cho yêu cầu ly hôn của nguyên đơn), Hợp đồng lao động (của nguyên đơn), Bảng thanh toán tiền lương tháng 10/2017 (của bị đơn), Giấy chứng minh nhân dân (của nguyên đơn), Sổ hộ khẩu (của nguyên đơn và bị đơn), Giấy biên nhận giải quyết lưu trú, Hợp đồng thuê nhà.

2. Đề nghị của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 13/12/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Sùng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D nhất trí với anh D đã trình bày về thời gian chung sống, kết hôn và nơi cư trú của anh D, chị D và một con chung của anh chị. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị D cho rằng: đầu năm 2015, thì vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D và anh D có vay nợ nhiều, không có khả năng trả nợ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau thường xuyên dẫn đến đánh nhau, khi đó chị D đang mang thai, đến tháng 8/2015 anh D bị tai nạn thì chị D phải đi vay nợ để chữa trị cho anh D tại Bệnh viện tỉnh Lào Cai, đến cuối năm 2015 anh D xin việc làm ở Trường T tỉnh Lào Cai, bốn tháng đầu không có lương thì tuần nào anh D về đều xin tiền chị D, sau đó anh D có lương thì lại không về nhà nữa, mà lại đi quan hệ với người khác, chị D không biết chính xác là ai, khi đó chị D mới sinh con nên chị D cũng không quan tâm đến việc anh ấy quan hệ với ai, từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mức độ mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị D và anh D không còn, nên chị D nhất trí thuận tình ly hôn với anh D.

- Về nuôi con khi ly hôn: Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn, thì chị D đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Hiện nay chị D đang ở ngôi nhà của vợ chồng chị D tại thôn P, xã S, huyện S, chị D là giáo viên Trường M xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, thu nhập của chị D một tháng là 8.540.000 đồng. Còn anh D đang thuê nhà để ở tại tổ 21, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, anh D là giáo viên hợp đồng, thu nhập của anh D một tháng bao nhiêu tiền chị D không biết. Từ ngày anh chị sống ly thân, thì chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N bình thường, anh D không về thăm cháu N, nên chị D đủ điều kiện để nuôi dưỡng được cháu N tốt.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Bị đơn không có chứng cứ gì để giao nộp cho Toà án.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều48 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.Toà án thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ và gửi văn bản cho Viện kiểm sát, việc tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 75, 76, 81, 82 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vàng Sảo D và chị Sùng Thị D.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Vàng Thảo N sinh ngày 26/6/2015 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh D có trách nhiệm phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trước thời gian mở phiên toà, bị đơn xin rút đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý hợp lệ, nên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn

không tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ và không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị D là hợp pháp. Qua lời khai của các bên, thì sau khi về chung sống với nhau do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ chồng phải đi vay nợ để trang trải cuộc sống, không có khả năng trả nợ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau và đánh nhau thường xuyên, từ đó anh chị bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, kinh tế thì không tập trung, từ cuối năm 2015 đến nay anh chị sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc mâu thuẫn của anh D và chị D đã được gia đình động viên nhưng không thành, đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng cũng không có kết quả. Tại phiên tòa, anh D và chị D đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mức độ mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa anh D và chị D không còn, nên anh D và chị D đều nhất trí thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian anh D và chị D chung sống với nhau chỉ có một con chung cháu Vàng Thảo N sinh ngày 26/6/2015, nay cháu N còn nhỏ và đang ở với chị D. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì cả anh D và chị D đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung bình thường, tuy nhiên bản thân cháu N dưới 36 tháng tuổi cần được giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy, việc chị D đề nghị Toà án giải quyết cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản khoản 1,2,3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh D không trực tiếp nuôi con, nên anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Qua xem xét thực tế thì: hiện nay chị D đang ở ngôi nhà của vợ chồng anh D và chị D tại thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, chị D là giáo viên Trường M xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, thu nhập của chị D một tháng là 8.540.000 đồng; còn anh D đang thuê nhà ở tại tổ 21, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, anh D là giáo viên hợp đồng tại Trường T tỉnh Lào Cai, thu nhập của anh D một tháng là 3.500.000 đồng. Xác minh tại địa phương, thì nhu cầu thiết yếu để nuôi dưỡng một người con chưa thành niên giao động từ 700.000 đồng đến 1.500.000 đồng/một tháng, tùy thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của từng gia đình. Như vậy, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, thì chị D có thu nhập cao và ổn định hơn anh D, nên anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng trên ½ tháng lương tối thiểu để nuôi dưỡng cháu Vàng Thảo N. Mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 2 Điều 82, Điều 110, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh D và chị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh D còn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, khoản 1 Điều 71, khoản 1,2,3 Điều 81, khoản 1,2,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vàng Sảo D và chị Sùng Thị D.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Vàng Thảo N sinh ngày 26/6/2015 cho chị Sùng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vàng Sảo D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vàng Thảo N mỗi tháng là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Vàng Sảo D phải chịu: 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Tổng cộng là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/0004498 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Anh D còn phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí;

Chị Sùng Thị D phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- UBND xã S, huyện S, T.Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tống Duy Toán